

ĐỀ THI THỬ MINH HỌA SỐ 18 KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021

(Đề thi có 04 trang)

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển là vùng

- A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải.
C. vùng đặc quyền kinh tế. D. thềm lục địa.

Câu 42. Biện pháp nào sau đây được sử dụng để bảo vệ đất ở miền núi?

- A. Chống nhiễm mặn. B. Rửa phèn.
C. Làm ruộng bậc thang. D. Trồng rừng ven biển.

Câu 43. Vùng nào sau đây chịu ảnh hưởng thường xuyên bởi lũ quét?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Điện Biên. B. Yên Bái. C. Sơn La. D. Tuyên Quang.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII?

- A. Hà Nội. B. Thanh Hóa. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Dầu Tiếng thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Mê Công. C. Sông Ba. D. Sông Cả.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Cánh cung sông Gâm. B. Cánh cung Đông Triều.
C. Dãy Con Voi. D. Dãy Pu Sam Sao.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Bình?

- A. Đồng Hới. B. Vinh. C. Đông Hà. D. Tam Kỳ.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Thanh Hóa không có ngành nào sau đây?

- A. Cơ khí. B. Chế biến nông sản.
C. Sản xuất giấy, xenlulô. D. Sản xuất ô tô.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biển quan trọng nhất dài 1500 km nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

- A. Cửa Lò. B. Đà Nẵng.
C. Quy Nhơn. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất Đồng bằng sông Hồng?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Hưng Yên. D. Nam Định.

Câu 53. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Yaly. B. Đrây Hling. C. Xê Xan. D. Vĩnh Sơn.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất ô tô?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh. B. Vũng Tàu.
C. Biên Hòa. D. Thủ Dầu Một.

Câu 55. Phát biểu nào sau đây đúng với địa hình vùng núi Tây Bắc?

Đề thi thử THPT quốc gia 2021 môn Địa (có đáp án)

- A. Núi thấp chiếm ưu thế.
- C. Cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

- B. Hướng núi vòng cung.
- D. Núi cao chiếm ưu thế.

Câu 56. Dân số nước ta còn tăng nhanh là do

- A. đông dân, số người trong độ tuổi sinh đẻ nhiều.
- C. mất cân đối giới tính.

- B. nông nghiệp cần nhiều lao động.
- D. đáp ứng nhu cầu xuất khẩu lao động.

Câu 57. Tỷ lệ dân thành thị của nước ta đang tăng nhanh là do

- A. chính sách dân số.
- C. mức sống được nâng cao.

- B. quá trình công nghiệp hóa.
- D. đô thị hóa tự phát.

Câu 58. Điều kiện thuận lợi để nước ta đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước lợ là do

- A. có nhiều ao hồ, sông ngòi, kênh rạch.
- C. có nhiều đầm phá, vũng vịnh, rừng ngập mặn.

- B. người dân có kinh nghiệm đi biển.
- D. công nghiệp chế biến thủy sản phát triển.

Câu 59. Đường ống nước ta phát triển mạnh do

- A. nhu cầu nước sạch trong dân cư ngày càng tăng.
- B. sự phát triển mạnh của ngành công nghiệp dầu khí.
- C. công nghiệp sản xuất đường ống được mở rộng.
- D. chính sách phát triển công nghiệp của nước ta.

Câu 60. Ngành du lịch nước ta phát triển mạnh từ khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Đầu thập niên 60 thế kỷ XX.
- C. Đầu thập niên 80 thế kỷ XX.

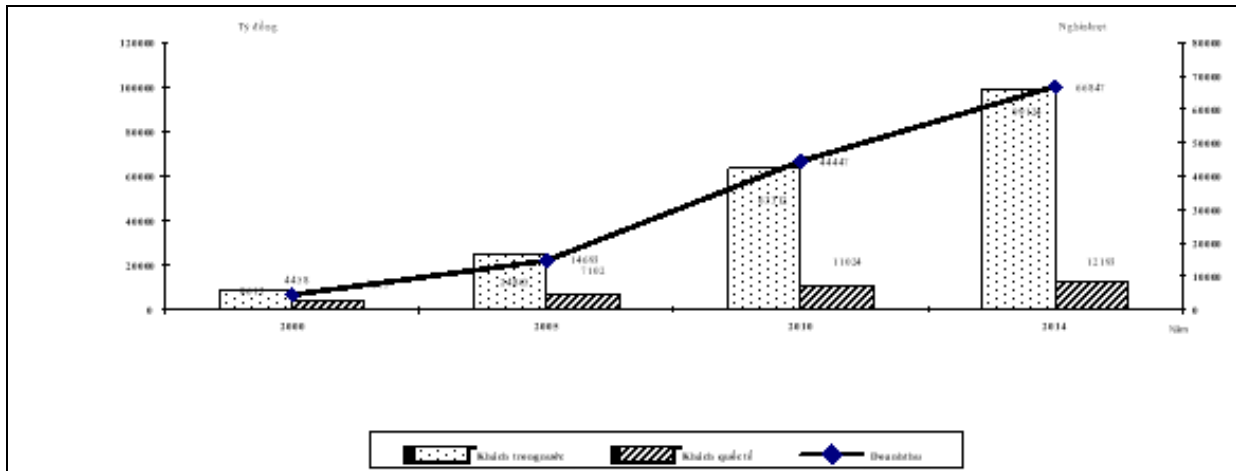
- B. Đầu thập niên 70 thế kỷ XX.
- D. Đầu thập niên 90 thế kỷ XX.

Câu 61. Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp quan trọng nhất hiện nay của nước ta là

- A. điểm công nghiệp.
- C. trung tâm công nghiệp.

- B. khu công nghiệp.
- D. vùng công nghiệp.

Câu 62. Cho biểu đồ



Biểu đồ thể hiện tình hình phát triển ngành du lịch nước ta giai đoạn 2000 - 2014.

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển du lịch của nước ta giai đoạn 2000-2014?

- A. Khách trong nước tăng nhanh hơn khách quốc tế.
- B. Khách trong nước tăng chậm hơn khách quốc tế.
- C. Doanh thu tăng chậm hơn khách trong nước và quốc tế.
- D. Khách trong nước tăng nhanh hơn doanh thu.

Câu 63. Công nghiệp các nước Đông Nam Á đang phát triển theo hướng

- A. chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.
- B. đầu tư phát triển công nghiệp nặng.
- C. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp khai thác.
- D. đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Câu 64. Cho bảng số liệu:

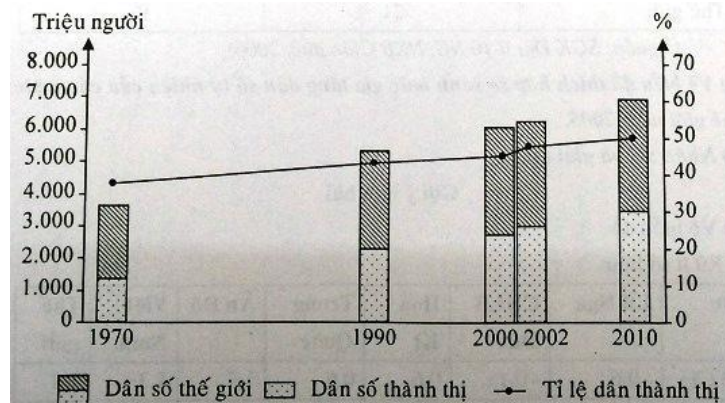
GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA LIÊN BANG NGA THỜI KÌ 1999 - 2013

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1999	2005	2007	2013
Giá trị xuất khẩu	47,9	248,3	355,2	530,7
Giá trị nhập khẩu	30,4	138,0	245,4	335,4

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh cán cân xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga giữa các năm trong thời kỳ 1999-2013?

- A. Liên Bang Nga luôn xuất siêu.
 B. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng nhanh.
 C. Giá trị xuất khẩu lớn hơn giá trị nhập khẩu.
 D. Năm 2013 xuất siêu lớn nhất.
- Câu 65.** Do nước ta nằm gần trung tâm gió mùa Châu Á nên
 A. quanh năm nước ta có gió Tín Phong thổi.
 B. thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.
 C. nước ta chịu ảnh hưởng bởi gió mùa.
 D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
- Câu 66.** Thành phần kinh tế nào sau đây của nước ta đang giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế?
 A. Kinh tế nhà nước.
 B. Kinh tế ngoài nhà nước.
 C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
 D. Hộ gia đình.
- Câu 67.** Ngành công nghiệp trọng điểm nào sau đây phát triển dựa vào nguồn nguyên liệu tại chỗ rất phong phú?
 A. Cơ khí – điện tử.
 B. Hóa chất – phân bón – cao su.
 C. Chế biến lương thực, thực phẩm.
 D. Dệt may.
- Câu 68.** Công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta chủ yếu do có
 A. sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.
 B. cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.
 C. tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.
 D. thể mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.
- Câu 69.** Nước ta có cơ cấu ngành công nghiệp tương đối đa dạng, chủ yếu do có
 A. tài nguyên khoáng sản phong phú.
 B. nguồn lao động dồi dào.
 C. thị trường tiêu thụ rộng.
 D. ngành nông nghiệp phát triển.
- Câu 70.** Dịch lợn tả Châu Phi đang lan tràn nhanh tại Việt Nam, chủ yếu do
 A. công tác phòng ngừa kém hiệu quả.
 B. ý thức của người chăn nuôi chưa cao.
 C. môi trường nhiệt đới nóng ẩm dễ phát sinh dịch bệnh.
 D. giết mổ chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Câu 71.** Vấn đề xã hội có ý nghĩa hàng đầu mà tất cả các quốc gia Đông Nam Á đang phải tập trung giải quyết là
 A. hạ tỉ lệ tăng dân số tự nhiên.
 B. phát triển nguồn nhân lực.
 C. tình trạng ô nhiễm môi trường.
 D. tình trạng xung đột sắc tộc và tôn giáo.
- Câu 72.** Cho biểu đồ đồ dân số thế giới, dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị của thế giới giai đoạn 1970-2010



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu dân số thế giới giai đoạn 1970 – 2010.
 B. Tốc độ tăng dân số và tỉ lệ dân thành thị của thế giới giai đoạn 1970 – 2010.
 C. Tình hình gia tăng dân số thế giới giai đoạn 1970 -2010.
 D. Sự thay đổi cơ cấu dân số thành thị và nông thôn thế giới giai đoạn 1970 – 2010.
- Câu 73.** Ý nghĩa của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
 A. đẩy mạnh phát triển công nghiệp. B. mở rộng các hoạt động dịch vụ.
 C. tăng cường xuất khẩu lao động. D. phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- Câu 74.** Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên chủ yếu là do
 A. khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên. B. tổng lượng mưa trong năm lớn.
 C. một mùa mưa và khô rõ rệt. D. khí hậu khá nóng ở các cao nguyên thấp.
- Câu 75.** Việc phát triển và bảo vệ vốn rừng ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì
 A. sông ngòi ngắn và dốc rất dễ xảy ra lũ lụt.
 B. vùng giàu tài nguyên rừng thứ 2 cả nước.
 C. ngành công nghiệp chế biến nông sản rất phát triển.
 D. vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của gió Tây khô nóng.
- Câu 76.** Việc tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vì
 A. tạo ra thế mở cửa, phân công lao động, giao lưu kinh tế.
 B. tạo ra thế mở cửa, phân công lao động.
 C. phân công lao động, giao lưu kinh tế.
 D. tăng cường vai trò trung chuyển của vùng.
- Câu 77.** Đông Nam Bộ thu hút được nguồn lao động dồi dào, chủ yếu do
 A. nền kinh tế phát triển năng động. B. mức sống cao, cơ sở hạ tầng hiện đại.
 C. tài nguyên thiên nhiên giàu có. D. khí hậu thuận lợi cho cư trú và sản xuất.
- Câu 78.** Phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở vùng ở Đồng bằng sông Hồng vì
 A. thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
 B. khai thác hợp lí các nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội.
 C. góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và môi trường trong vùng.
 D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.
- Câu 79.** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển mạnh là do
 A. điều kiện tự nhiên thuận lợi, chính sách thu hút đầu tư.
 B. nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
 C. lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi.
 D. sử dụng nhiều giống gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao trong chăn nuôi.
- Câu 80.** Cho bảng số liệu

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH Ở VIỆT NAM

(đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
2000	129,1	101,0	24,9	3,2
2005	183,2	134,7	45,1	3,4
2010	540,2	396,7	135,1	8,4
2013	751,8	534,5	200,6	16,7

Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị sản xuất ngành trồng trọt và tỉ trọng giá trị sản xuất ngành trồng trọt trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 – 2013, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Tròn. C. Đường. D. Kết hợp.

ĐÁP ÁN ĐỀ 18

CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN
41	A	51	D	61	B	71	B
42	C	52	A	62	A	72	C
43	D	53	D	63	A	73	D
44	A	54	A	64	D	74	A
45	A	55	D	65	C	75	A
46	A	56	A	66	A	76	A
47	D	57	B	67	C	77	A
48	A	58	C	68	D	78	D
49	B	59	B	69	A	79	B
50	D	60	D	70	B	80	D

CÂU	ĐÁP ÁN	GIẢI THÍCH
41	A	Bài 2: Vị trí địa lí phạm vi lãnh thổ - Mục 2. phạm vi lãnh thổ - ý b Vùng biển
42	C	Bài: 14 Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên – mục 2 Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất - ý b các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất.
43	D	Bài: 15 Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai – mục 2 Một số thiên tai và biện pháp phòng chống – ý c Lũ quét.
44	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
45	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
46	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
47	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
48	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
49	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
50	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
51	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
52	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
53	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
54	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
55	D	Bài 6: Đất nước nhiều đồi núi – Mục 2 các khu vực địa hình – ý a Khu vực đồi núi
56	A	Bài 16: Đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư ở nước ta: Dân số đông và cơ cấu dân số trẻ (số người trong độ tuổi sinh đẻ nhiều)
57	B	Bài 18: đô thị hóa: dân số đô thị nước ta đang tăng nhanh do ảnh hưởng quá trình đô thị hóa
58	C	Bài 24: Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp – Mục 1 Ngành thủy sản – ý a Điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản: do có nhiều đầm phá, vũng vịnh, rừng ngập mặn
59	B	Bài 30: Vấn đề phát triển GTVT và TTLL – Mục 1 Giao thông vận tải – ý g Đường ống: sự phát triển mạnh của ngành công nghiệp dầu khí.
60	D	Bài 31: Vấn đề phát triển thương mại và du lịch – Mục 2 Du lịch – ý b tình hình phát triển và các trung tâm du lịch: Đầu thập niên 90 thế kỷ XX
61	B	Bài 28: Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp – Mục 3 các hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp – ý b khu công nghiệp: do khu công nghiệp bao gồm cả khu chế xuất và chủ yếu là các mặt hàng xuất khẩu.

62	A	Biểu đồ thể hiện tình hình phát triển ngành du lịch nước ta giai đoạn 2000 - 2014. Khách trong nước tăng nhanh hơn khách quốc tế.
63	A	Bài 11(Địa lí 11) Khu vực đông nam á: Nhằm tích lũy vốn cho quá trình CNH HĐH nên chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu
64	D	Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh cán cân xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga giữa các năm trong thời kỳ 1999-2013 thì năm 2013 xuất siêu lớn nhất
65	C	Bài 2 : Vị trí địa lí phạm vi lãnh thổ - Mục 3 Ý nghĩa của vị trí địa lí – ý a ý nghĩa tự nhiên: vì nước ta nằm gần trung tâm gió mùa Châu Á nên nước ta chịu ảnh hưởng bởi gió mùa
66	A	Bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế - Mục 2 Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: mặc dù giảm tỉ trọng nhưng khu vực kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo vì các ngành then chốt vẫn do nhà nước quản lí.
67	C	Bài 27: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm – Mục 2 Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.
68	D	Bài 27: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm – Mục 1 Công nghiệp năng lượng : nước ta có nguồn nguyên nhiên liệu phong phú và đa dạng(than, dầu, khí...), có mạng lưới sông ngòi dày đặc nhiều nước, nằm trong vùng nhiều nắng...
69	A	Bài 2 : Vị trí địa lí phạm vi lãnh thổ- Mục 3 Ý nghĩa của vị trí địa lí – ý a Ý nghĩa tự nhiên: nằm liền kề vành đai sinh khoáng Địa trung hải – Thái bình dương nên tài nguyên khoáng sản vô cùng phong phú.
70	B	Bài 22: Vấn đề phát triển Nông nghiệp – Mục 2 Ngành chăn nuôi : do ý thức của người chăn nuôi chưa cao trong việc phòng dịch.
71	B	Bài 11(Địa lí 11) Khu vực đông nam á: Vì trong quá trình hội nhập để phát triển do vậy cần phát triển nguồn nhân lực
72	C	Biểu đồ thể hiện Tình hình gia tăng dân số thế giới giai đoạn 1970 -2010
73	D	Bài 32: Vấn đề khai thác thế mạnh ở TDMN BB – Mục 3 Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới : Do TDMNB có thế mạnh(đất, khí hậu...)việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ cho phép phát triển nông nghiệp hàng hóa.
74	A	Bài 37: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên – Mục 2 Phát triển cây CN Lâu năm: ở Tây Nguyên có khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên.
75	A	Bài 35: Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở BTB – Mục 2 Hình thành cơ cấu Nông – Lâm – Ngư nghiệp – ý b Khai thác thế mạnh lâm nghiệp:Việc phát triển và bảo vệ vốn rừng ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì sông ngòi ở đây ngắn và dốc rất dễ xảy ra lũ lụt.
76	A	Bài 36: Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở DHNTB – Mục 3 phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng : Việc tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vì tạo ra thế mở cửa, phân công lao động, giao lưu kinh tế
77	A	Bài 39: Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ĐNB – Mục 1 Khái quát chung : do đây là vùng có nền kinh tế hành hóa sớm phát triển, cơ sở hạ tầng tương đối tốt... do vậy đã thu hút được nhiều lao động có tay nghề
78	D	Bài 33 Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở ĐBSH – Mục 2 Hạn chế chủ yếu của vùng: việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.
79	B	Bài: 41: Sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở ĐBSCL - Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển mạnh là do

		nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn (vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước, gần ĐNB là vùng có dân số đông nhu cầu lớn..)
80	D	Kết hợp